

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

CĂN CỨ:

- *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Khả năng và nhu cầu của các bên.*

Hợp Đồng Hợp Tác Đầu Tư này (“**Hợp Đồng**”) được lập và ký kết vào ngày tháng..... năm tại, giữa các bên gồm:

BÊN A: Ông/bà

CMND/ Thẻ căn : [•] Nơi cấp: [•] Ngày cấp: [•]
cước/ Hộ chiếu số

Địa chỉ thường trú : [•] Địa chỉ liên hệ : [•]

Điện thoại : [•]

Email : [•]

Tài khoản NH số : [•] mở tại Ngân hàng [•]

BÊN B:

Giấy CNĐKDN số : [•]

Địa chỉ trụ sở chính : [•]

Điện thoại : [•]

Fax : [•]

Website : [•]

Tài khoản số : [•] tại Ngân hàng [•]

Mã số thuế : [•]

Đại diện : [•]

Chức vụ : [•]

XÉT RẰNG:

- (1) Bên A là một cá nhân có nhu cầu và mong muốn hợp tác với Bên B để đầu tư chứng khoán và các tài sản khác theo thỏa thuận nêu trong Hợp Đồng này;
- (2) Bên A và Bên B đều hiểu rõ và đồng ý rằng đầu tư chứng khoán là lĩnh vực có khả năng đạt lợi nhuận cao và cũng có rủi ro cao. Các Bên đồng ý chấp nhận mọi rủi ro có thể phát sinh trong quá trình ký kết và hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này.

VÌ VẬY, NAY, Các Bên cùng thỏa thuận ký kết Hợp Đồng này với những điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- 1.1. Trong Hợp Đồng này, những từ ngữ dưới đây (viết hoa các chữ cái đầu tiên) được hiểu như sau:

“Bên” có nghĩa là Bên A hoặc Bên B như nêu ở phần đầu của Hợp Đồng này và **“Các Bên”** có nghĩa là Bên A và Bên B nói chung;

“Công Ty Chứng Khoán” có nghĩa là công ty chứng khoán nêu tại Điều 2.2;

“Hợp Đồng” có nghĩa là Hợp đồng hợp tác đầu tư này (bao gồm tất cả các phụ lục, sửa đổi, bổ sung - nếu có) được Bên A và Bên B ký kết để triển khai thực hiện tất cả các công việc trong quá trình hợp tác đầu tư;

“Khoản Tiền Đầu Tư” có nghĩa là số tiền mà Bên A góp vốn để cùng Bên B thực hiện hợp tác đầu tư theo quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng này;

“Kết Quả Đầu Tư” có nghĩa là kết quả của quá trình hợp tác đầu tư do Các Bên xác định theo quy định tại Điều 6.1 của Hợp Đồng này;

“Lợi Nhuận Mục Tiêu” có nghĩa như quy định tại Điều 7.1 của Hợp Đồng này;

“Ngày Kết Thúc” có nghĩa là ngày cuối cùng của Thời Hạn Hợp Tác được nêu tại Điều 4 của Hợp Đồng này. Nếu Ngày Kết Thúc rơi vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước) thì Ngày Kết Thúc sẽ là ngày làm việc kế tiếp;

“Tài Khoản Đầu Tư” có nghĩa là tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Bên A được mở tại Công Ty Chứng Khoán như được nêu chi tiết tại Điều 2.2 của Hợp Đồng này. Tài Khoản Đầu Tư được thống nhất sử dụng làm tài khoản để quản lý Khoản Tiền Đầu Tư và thực hiện hoạt động hợp tác đầu tư;

“Thời Hạn Hợp Tác” có nghĩa là thời hạn Các Bên hợp tác đầu tư, được xác định tại Điều 4 Hợp Đồng này;

“Tỷ Suất Lợi Nhuận” có nghĩa là tỷ lệ phần trăm (%) giữa Kết Quả Đầu Tư (được xác định theo Điều 6.1 của Hợp Đồng này) và Khoản Tiền Đầu Tư thực tế.

- 1.2. Các tiêu đề trong Hợp Đồng này chỉ có ý nghĩa để tiện tra cứu và không có ý nghĩa giải thích Hợp Đồng.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Bảng Hợp Đồng này, Bên A và Bên B nhất trí, thống nhất cùng nhau đóng góp tài sản và công sức để hợp tác đầu tư, cụ thể như sau:

- 21 Đối tượng đầu tư: Các loại chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc chứng khoán được phép lưu hành khác (bao gồm cả chứng khoán phái sinh). Đối với trường hợp hợp tác đầu tư vào các tài sản khác (không phải là chứng khoán), các bên sẽ ký kết các phụ lục trước khi thực hiện cho từng giao dịch cụ thể.
- 22 Hình thức đầu tư: Đầu tư trên tài khoản do Bên A mở tại công ty chứng khoán, cụ thể: Tài khoản giao dịch chứng khoán số:
Tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh:
Mở tại:
Tên chủ tài khoản:
(các tài khoản trên gọi chung là “**Tài Khoản Đầu Tư**”).
- 23 Phương thức hợp tác: Bên B được toàn quyền thay mặt Các Bên thực hiện đầu tư, mua, bán, giao dịch chứng khoán trên Tài Khoản Đầu Tư. Việc sử dụng Tài Khoản Đầu Tư cho việc hợp tác sẽ bao gồm tất cả các tính năng mà Bên A đã ký kết với Công Ty Chứng Khoán như: giao dịch ký quỹ, giao dịch chứng khoán phái sinh và các hoạt động khác trên Tài Khoản Đầu Tư phù hợp với quy định của Công Ty Chứng Khoán.
- Kết quả lãi, lỗ của việc hợp tác sẽ được phân chia theo Điều 7 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 3. ĐÓNG GÓP CỦA CÁC BÊN

- 3.1 Bên A góp vốn hợp tác đầu tư bằng Khoản Tiền Đầu Tư là: [●] VND (Bằng chữ: [●] Đồng Việt Nam). Bên A cam kết sẽ chuyển đủ/ có đủ Khoản Tiền Đầu Tư này trên Tài Khoản Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này.
- Số vốn góp hợp tác đầu tư thực tế để phân chia lợi nhuận sẽ căn cứ vào số tiền đầu tư nộp/rút thực tế của Tài Khoản Đầu Tư. Khi có hoạt động liên quan đến nộp/rút tiền đầu tư trong Tài Khoản Đầu Tư thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục để làm căn cứ phân chia lợi nhuận khi tắt toán Hợp Đồng.
- 3.2 Bên B đóng góp vào việc hợp tác đầu tư bằng hệ thống công nghệ, công cụ, kinh nghiệm và kỹ năng đầu tư của Bên B. Trong trường hợp cần thiết và có sự thống nhất của Các Bên bằng văn bản, Bên B có thể sẽ góp một khoản tiền nhất định cho việc hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN HỢP TÁC ĐẦU TƯ

- 4.1 Thời hạn hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này là một (01) năm, từ ngày đến ngày
- 4.2 Thời hạn hợp tác có thể được gia hạn, kéo dài theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

- 4.3 Trong trường hợp Các Bên thay đổi thời hạn hợp tác được nêu tại Điều 4.1 của Hợp Đồng này, Lợi Nhuận Mục Tiêu sẽ được điều chỉnh để làm cơ sở tính mức phân chia lợi nhuận giữa hai Bên.

ĐIỀU 5. THEO DÕI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ BÁO CÁO

- 51 Mỗi Bên sẽ tự chịu trách nhiệm theo dõi tình hình đầu tư và kết quả đầu tư của Hợp Đồng này vào hàng ngày, tuần, tháng, dựa trên quyền truy cập của mỗi Bên vào hệ thống quản lý Tài Khoản Đầu Tư do Công Ty Chứng Khoán cung cấp. Nếu một Bên có khiếu nại, thắc mắc gì thì Bên đó phải thông báo cho Bên kia trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch, thay đổi trên Tài Khoản Đầu Tư.
- 52 Định kỳ hàng tháng, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi tháng, Bên B sẽ cập nhật kết quả hợp tác đầu tư cho Bên A thông qua email (Mẫu báo cáo sẽ theo mẫu của Bên B). Trường hợp Bên A không có khiếu nại, thắc mắc gì đối với báo cáo trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Bên B gửi báo cáo, coi như Bên A đồng ký với các giao dịch trên Tài Khoản Đầu Tư nêu trong báo cáo đó.

ĐIỀU 6. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HỢP TÁC ĐẦU TƯ

6.1 Kết Quả Đầu Tư

- a) Kết Quả Đầu Tư được xác định (i) tại thời điểm bất kỳ trong Thời Hạn Hợp Tác nếu các bên đồng ý bằng văn bản để chấm dứt Hợp Đồng trước hạn hoặc (ii) tại Ngày Kết Thúc hợp tác đầu tư theo quy định của Hợp Đồng này.
- b) Kết Quả Đầu Tư được xác định bằng “Tổng giá trị Tài Khoản Đầu Tư” trừ đi “Tổng giá trị nợ” và “Khoản Tiền Đầu Tư”:

$$\text{Kết Quả Đầu Tư} = \text{“Tổng giá trị Tài Khoản Đầu Tư”} - (\text{“Tổng giá trị nợ”} + \text{“Khoản Tiền Đầu Tư”})$$

- b1) Tổng giá trị Tài Khoản Đầu Tư là tổng giá trị tài sản đang có trên Tài Khoản Đầu Tư, tài sản sẽ phát sinh từ hoạt động đầu tư đã thực hiện, gồm có:

- Tiền trên Tài Khoản Đầu Tư;
- Cổ tức bằng tiền mặt sẽ được trả về Tài Khoản Đầu Tư;
- Chứng khoán trên Tài Khoản Đầu Tư được quy đổi thành tiền theo định giá tính theo giá đóng cửa của ngày Các Bên xác định Kết Quả Đầu Tư hoặc Ngày Kết Thúc;
- Chứng khoán sẽ về Tài Khoản Đầu Tư được quy đổi thành tiền theo thỏa thuận của Các Bên tại Ngày Kết Thúc;
- Các tài sản khác có thể quy đổi thành tiền và chuyển về Tài Khoản Đầu Tư.

- b2) Tổng giá trị nợ là tổng giá trị của các nghĩa vụ trả nợ có trên Tài Khoản Đầu Tư hoặc sẽ phát sinh trên Tài Khoản Đầu Tư do việc sử dụng các khoản vay giao dịch ký quỹ từ Công Ty Chứng Khoán cho Tài Khoản Đầu Tư, phí giao dịch, phí khác chưa trả ...gồm có:

- Các khoản vay giao dịch ký quỹ chưa trả Công Ty Chứng Khoán;
- Các khoản lãi phát sinh từ khoản vay giao dịch ký quỹ chưa trả Công Ty Chứng Khoán;

- Các nghĩa vụ nợ khác phát sinh từ hoạt động giao dịch chứng khoán, vay giao dịch ký quỹ từ Công Ty Chứng Khoán.
- b3) Trường hợp khi bắt đầu thực hiện việc hợp tác theo Hợp Đồng này mà trên Tài Khoản Đầu Tư đã có sẵn chứng khoán, và chứng khoán đó cũng được tính vào Khoản Tiền Đầu Tư, thì Các Bên nhất trí là sẽ tính trị giá các chứng khoán đó theo giá đóng cửa của ngày bắt đầu Thời Hạn Hợp Tác.
- 6.2 Khi Kết Quả Đầu Tư lớn hơn 0, quá trình hợp tác đầu tư đã tạo ra lợi nhuận. Khi Kết Quả Đầu Tư nhỏ hơn 0, quá trình hợp tác đầu tư tạo ra thua lỗ.

ĐIỀU 7. PHÂN CHIA KẾT QUẢ HỢP TÁC ĐẦU TƯ

- 7.1 Lợi nhuận mục tiêu tối thiểu của việc hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này là 6%/ năm tính trên tổng Khoản Tiền Đầu Tư. Trong trường hợp thời gian hợp tác đầu tư thực tế giữa hai bên *ít hơn hoặc nhiều hơn* một năm thì lợi nhuận mục tiêu tối thiểu sẽ được điều chỉnh thành:

Lợi nhuận mục tiêu tối thiểu = 6%/ năm * (Thời gian hợp tác thực tế/365).

(Lợi nhuận mục tiêu tối thiểu nêu trên được gọi tắt là “**Lợi Nhuận Mục Tiêu**”).

- 7.2 Phân chia lãi lỗ khi Các Bên hợp tác đến hết Thời Hạn Hợp Tác được quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này:

- a) Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận của việc hợp tác vượt mức Lợi Nhuận Mục Tiêu:
- + Bên A sẽ được nhận lại giá trị đầu tư ban đầu của Bên A, phần lợi nhuận tương ứng với Lợi Nhuận Mục Tiêu và 50% của phần lợi nhuận vượt quá Lợi Nhuận Mục Tiêu (tất cả các khoản này sẽ được nhận bằng tài sản hoặc tiền có trên Tài Khoản Đầu Tư);
 - + Bên B sẽ nhận được 50% của phần lợi nhuận vượt quá Lợi Nhuận Mục Tiêu. Phần phân chia này sẽ được Bên A trả bằng tiền mặt cho Bên B từ Tài Khoản Đầu Tư hoặc từ nguồn hợp pháp khác của Bên A.
- b) Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận của việc hợp tác đạt được bé hơn hoặc bằng Lợi Nhuận Mục Tiêu (kể cả trường hợp bị lỗ) thì:
- + Bên B không được phân chia bất kỳ khoản nào từ việc hợp tác theo Hợp Đồng này;
 - + Bên A sẽ được nhận lại đầy đủ giá trị vốn bỏ ra hợp tác ban đầu cộng với phần tương ứng với Lợi Nhuận Mục Tiêu theo cách thức: (i) Bên A nhận lại toàn bộ tài sản trên Tài Khoản Đầu Tư và (ii) Bên B có trách nhiệm bổ sung vốn góp để đảm bảo trả đủ cho Bên A phần còn thiếu hụt của Lợi Nhuận Mục Tiêu.

Ví dụ cho các trường hợp phân chia lãi lỗ nêu trên:

Giả định Lợi Nhuận Mục Tiêu được xác định là 6%.

- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận thực tế là 6%, toàn bộ 6% và vốn hợp tác sẽ thuộc về Bên A.
- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận thực tế là 20%, thì 6% thuộc về Bên A, phần còn lại 14% sẽ chia cho Bên A 50% tương đương 7% và chia cho Bên B 50% tương đương 7%. Trong trường hợp này, Bên A nhận tổng cộng giá trị của vốn hợp tác ban đầu và 13%.

- Nếu lợi nhuận từ 0% đến dưới 6%, Bên A sẽ nhận được toàn bộ giá trị của vốn hợp tác ban đầu và Lợi Nhuận Mục Tiêu. Bên B không được nhận bất cứ khoản nào. Ví dụ: nếu lợi nhuận là 2%, Bên A sẽ nhận được toàn bộ giá trị của vốn hợp tác ban đầu và Bên B sẽ phải bù 4% còn lại để trả đủ 6% Lợi Nhuận Mục Tiêu cho Bên A.

- Nếu lỗ -2%, Bên A sẽ nhận đủ vốn hợp tác ban đầu (do Bên B bù lỗ) và 6% Lợi Nhuận Mục Tiêu. Bên B không được nhận bất cứ khoản nào.

7.3 Phân chia lợi nhuận khi Bên A rút vốn hợp tác đầu tư hoặc chấm dứt việc hợp tác đầu tư trước Ngày Kết Thúc của Hợp Đồng này:

a) Bên A phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng, trả cho Bên B, với mức phạt được quy định như sau:

Khoảng thời gian Bên A rút vốn trước hạn	Mức phạt
Trong thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm ký kết Hợp Đồng	4% Khoản Tiền Đầu Tư
Từ ngày thứ 91 đến ngày thứ 180, tính từ ngày ký kết Hợp Đồng	3% Khoản Tiền Đầu Tư
Từ ngày thứ 181 đến ngày thứ 270, tính từ ngày ký kết Hợp Đồng	2% Khoản Tiền Đầu Tư
Từ ngày thứ 271 đến ngày liên trước của Ngày Đáo Hạn	1% Khoản Tiền Đầu Tư

b) Các Bên sẽ xác định giá trị Lợi Nhuận Mục Tiêu điều chỉnh. Việc phân chia lỗ lãi từ quá trình hợp tác đầu tư được thực hiện tương tự quy định tại Điều 7.2 của Hợp Đồng này. Để tránh hiểu nhầm, Bên B có quyền không phải thực hiện bù lỗ hay đảm bảo Lợi Nhuận Tối Thiểu khi Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn.

Ví dụ: Khoản hợp tác của Bên A muốn rút vốn khi thời hạn hợp tác thực tế là 6 tháng có những thông tin sau: Lợi Nhuận Mục Tiêu điều chỉnh là 3%, phí phạt khi rút vốn là 3% Khoản Tiền Đầu Tư. Kết quả đầu tư cho hai bên sẽ được tính như sau:

- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận từ việc hợp tác là 3%, Bên A sẽ nhận được vốn hợp tác, toàn bộ 3% lợi nhuận và trừ phí phạt 3% Khoản Tiền Đầu Tư. Bên B sẽ nhận được phí phạt (tương ứng với 3% Khoản Tiền Đầu Tư).

- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận từ việc hợp tác là 20%, thì 3% thuộc về Bên A, phần còn lại 17% sẽ chia cho Bên A 50% tương đương 8,5% và Bên B thu về 50% tương đương 8,5%. Trong trường hợp này, tổng Bên A thu về bao gồm vốn hợp tác, 11,5% lợi nhuận và trừ phí phạt 3% Khoản Tiền Đầu Tư. Bên B sẽ thu về 8,5% lợi nhuận và phần phí phạt (tương ứng với 3% Khoản Tiền Đầu Tư).

- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận từ 0% đến dưới 3% thì Bên A sẽ nhận toàn bộ phần còn lại của vốn hợp tác và Lợi nhuận sau khi trừ đi phí phạt 3% Khoản Tiền Đầu Tư. Bên B sẽ nhận được phần phí phạt (tương ứng với 3% Khoản Tiền Đầu Tư).

- Nếu Tỷ Suất Lợi Nhuận từ việc hợp tác là -2% (thua lỗ 2% vốn đầu tư) thì Bên A sẽ nhận phần còn lại của vốn đầu tư ban đầu sau khi trừ đi phần lỗ 2% và phí phạt 3% Khoản Tiền Đầu Tư. Bên B sẽ nhận được phần phí phạt (tương ứng với 3% Khoản Tiền Đầu Tư).

- 7.4 Các khoản phân chia, phí phạt nêu trên sẽ được Các Bên hoàn tất, chuyển trả cho nhau đầy đủ trong vòng tối đa mười (10) ngày kể từ ngày chấm dứt việc hợp tác theo Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8. THUẾ

- 8.1. Các Bên tự hoàn thành các nghĩa vụ thuế của mình theo quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến việc hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này. Nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước phát sinh từ các giao dịch trên Tài Khoản Đầu Tư sẽ do Bên A đứng tên kê khai và chịu trách nhiệm.
- 8.2. Mỗi Bên có trách nhiệm tự thực hiện nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ thuế đối với phần lợi nhuận hợp tác thu được từ Hợp Đồng này.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

Theo Hợp Đồng này, Bên A có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 9.1 Đóng góp và chuyển Khoản Tiền Đầu Tư vào Tài Khoản Đầu Tư đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp Đồng này. Bảo đảm tính hợp pháp của Khoản Tiền Đầu Tư, chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp Khoản Tiền Đầu Tư là tài sản mà Bên A sở hữu trái pháp luật;
- 9.2 Bằng Hợp Đồng này, Bên A ủy quyền toàn bộ cho Bên B để quản lý và sử dụng, thực hiện các giao dịch có liên quan đến Tài Khoản Đầu Tư;
- 9.3 Phối hợp với Bên B cùng thực hiện các thủ tục cần thiết với Công Ty Chứng Khoán để Bên B có thể nhanh chóng quản lý và sử dụng Tài Khoản Đầu Tư;
- 9.4 Cung cấp mật khẩu đăng nhập, mật khẩu giao dịch của Tài Khoản Đầu Tư (bao gồm cả giao dịch online, giao dịch qua điện thoại ...) cho Bên B ngay sau khi ký kết Hợp Đồng này. Cam kết không tự ý cung cấp mật khẩu đăng nhập, mật khẩu giao dịch của Tài Khoản Đầu Tư cho bất kỳ bên thứ ba nào khác cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt;
- 9.5 Chấp nhận toàn bộ kết quả đầu tư do Bên B thực hiện trên Tài Khoản Đầu Tư trong Thời Hạn Hợp Tác;
- 9.6 Cam kết không rút tiền, chuyển khoản tiền khỏi Tài Khoản Đầu Tư; không tự mình thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán trên Tài Khoản Đầu Tư trong khoảng thời gian đang hợp tác đầu tư;
- 9.7 Cam kết không ủy quyền cho bên thứ ba để quản lý, sử dụng và thực hiện các giao dịch có liên quan đến Tài Khoản Đầu Tư cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt;
- 9.8 Thực hiện phân chia kết quả hợp tác theo quy định tại Điều 7 của Hợp Đồng này; chuyển trả đủ tiền cho Bên B theo đúng quy định; chịu các rủi ro trong quá trình hợp tác theo quy định của Hợp Đồng này;

- 9.9 Không gây khó khăn cho Bên B trong việc quản lý, sử dụng Tài Khoản Đầu Tư và có nghĩa vụ hỗ trợ Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này;
- 9.10 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, Bên A có nghĩa vụ phối hợp cùng Bên B để thực hiện các thủ tục cần thiết với Công Ty Chứng Khoán trong trường hợp Công Ty Chứng Khoán yêu cầu hoặc pháp luật có quy định về việc Bên A bắt buộc phải tự mình thực hiện các thủ tục nêu trên.
- 9.10 Nếu vi phạm Hợp Đồng thì có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại mà Bên kia phải gánh chịu;
- 9.11 Các quyền và nghĩa vụ khác của Bên A theo quy định của Hợp Đồng này và các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

Theo Hợp Đồng này, Bên B có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 10.1 Quản lý Tài Khoản Đầu Tư, tự chủ quyết định và độc lập thực hiện mọi hoạt động đầu tư trên Tài Khoản Đầu Tư;
- 10.2 Yêu cầu Bên A cung cấp mật khẩu đăng nhập và mật khẩu giao dịch Tài Khoản Đầu Tư ngay sau khi hai bên ký kết Hợp Đồng này;
- 10.3 Thay đổi mật khẩu đăng nhập Tài Khoản Đầu Tư để thuận tiện cho việc đầu tư và bảo mật thông tin đầu tư nhưng phải cung cấp mật khẩu cho Bên A bất kì lúc nào trong trường hợp Bên A muốn theo dõi tình trạng Tài Khoản Đầu Tư;
- 10.4 Nỗ lực, có tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng Tài Khoản Đầu Tư để quá trình đầu tư chứng khoán bằng Tài Khoản Đầu Tư đạt hiệu quả cao vì lợi ích chung của Các Bên;
- 10.5 Chủ động cập nhật, báo cáo tình trạng đầu tư cho Bên A hàng tháng; đề xuất cho Bên A các phương án hợp lý để nâng cao hiệu quả hợp tác trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này;
- 10.6 Thực hiện phân chia lợi nhuận theo quy định tại Điều 7 của Hợp Đồng này;
- 10.7 Thay mặt Bên A gửi tiết kiệm có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn đối với Khoản Tiền Đầu Tư trong khoảng thời gian Khoản Tiền Đầu Tư chưa được sử dụng để đầu tư chứng khoán;
- 10.8 Các quyền và nghĩa vụ khác của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này (Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm nếu không quy định rõ tại Hợp Đồng này).

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1 Trong trường hợp Hợp Đồng này bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc không thể thực hiện theo các điều khoản, điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp Đồng do động đất, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc sự kiện bất khả kháng khác không lường trước được và việc phát sinh hậu quả của nó không thể ngăn ngừa hoặc tránh khỏi bằng các cố gắng hợp lý, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng đó trong vòng bảy (07) ngày sẽ thông

báo ngay cho bên kia, cung cấp các chi tiết về sự kiện đó và các chứng từ chứng nhận có giá trị chứng minh sự kiện xảy ra bất khả kháng. Trên cơ sở phạm vi ảnh hưởng của sự kiện đó đối với việc thực hiện Hợp Đồng, các bên sẽ kiểm tra và quyết định nên chấm dứt Hợp Đồng hay không, hoãn thực hiện hay thực hiện Hợp Đồng dưới dạng sửa đổi trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tuân thủ pháp luật.

- 11.2 Các Bên nhất trí rằng Các Bên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và hạn chế hậu quả của sự kiện bất khả kháng nêu trên.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI , CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 12.1 Bất kỳ sửa đổi và bổ sung nào đối với Hợp Đồng này phải được Các Bên chấp thuận bằng văn bản.
- 12.2 Hợp Đồng này chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
- a) Các Bên có văn bản thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước khi hết thời hạn hợp tác đầu tư được quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này;
 - b) Một trong hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn do Bên còn lại vi phạm cơ bản các nghĩa vụ của Hợp Đồng. Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày chấm dứt Hợp Đồng.
- 12.3 Trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này trái với thỏa thuận đã ký kết thì Bên B sẽ được miễn trừ khỏi mọi trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng này. Đồng thời Bên B vẫn được hưởng đầy đủ các khoản được phân chia, phí phạt và yêu cầu Bên A bồi thường các thiệt hại phát sinh.

ĐIỀU 13. THANH LÝ

Ngay sau khi kết thúc thời hạn hợp tác đầu tư được nêu tại Điều 4 của Hợp Đồng này hoặc Hợp Đồng này được chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 12.2 của Hợp Đồng này, Các Bên sẽ tiến hành các thủ tục thanh lý Hợp Đồng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 14. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM

- 14.1 Bên A cam kết và đảm bảo rằng Bên A có đầy đủ tư cách, năng lực để ký kết Hợp Đồng này cũng như cam kết thực hiện các thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- 14.2 Bên B cam kết và đảm bảo rằng mình có đầy đủ tư cách, năng lực để ký kết Hợp Đồng này cũng như cam kết thực hiện các thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- 14.3 Các Bên cam kết hiểu rõ và chấp nhận về nội dung, hình thức hợp tác đầu tư, phương thức đầu tư và quản lý Khoản Tiền Đầu Tư;
- 14.4 Bên A cam kết hiểu rõ những rủi ro khi đầu tư chứng khoán và chấp nhận các rủi ro có thể xảy ra sau quá trình hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này. Đồng thời, Bên A tự nguyện chấp nhận mọi kết quả của quá trình hợp tác đầu tư, kể cả trường hợp có thua lỗ;
- 14.5 Bên B cam kết việc Bên B ký Hợp Đồng này cũng như việc Bên B thực thi quyền hạn của mình theo những thỏa thuận trong Hợp Đồng này sẽ không vi phạm hay dẫn đến vi

phạm bất kỳ một Hợp Đồng hoặc một thoả thuận nào khác mà trong đó Bên B là một bên tham gia ký kết.

ĐIỀU 15. BẢO MẬT

- 15.1 Các nghĩa vụ chung: Vào từng thời điểm, trước và trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này mỗi Bên đã tiết lộ hoặc có thể tiết lộ cho Bên kia các thông tin mật và thuộc sở hữu riêng. Ngoài ra, Các Bên có thể, tùy từng thời điểm một trong suốt thời hạn của Hợp Đồng, thu thập được các thông tin mật liên quan đến hoạt động hợp tác đầu tư theo Hợp Đồng này. Trừ khi được quy định khác đi trong bất kỳ bản thoả thuận nào giữa Các Bên, trong Thời Hạn Hợp Tác của Hợp Đồng này và 05 (năm) năm sau đó hoặc cho đến khi công chúng biết được các thông tin nói trên, tùy thuộc vào trường hợp nào mà thời gian ngắn hơn, Bên nhận thông tin phải:
- (i) Giữ bí mật các thông tin đó;
 - (ii) Không tiết lộ các thông tin đó cho bất kỳ người hoặc pháp nhân nào, ngoại trừ là tiết lộ cho các cán bộ, giám đốc, nhân viên của họ, những nhân viên này phải là những người cần phải biết các thông tin đó để họ thực hiện các trách nhiệm của mình vì mục tiêu của Hợp Đồng này;
 - (iii) Và không sử dụng các thông tin nói trên ngoại trừ vì lợi ích của Hợp Đồng này.
- 15.2 Khuyến cáo thêm. Mỗi Bên phải khuyến cáo các thành viên trong công ty có nhận các thông tin nói trên về sự tồn tại của các nghĩa vụ nêu ra trong Điều 15.1 ở trên và tầm quan trọng của việc chấp hành các nghĩa vụ đó.

ĐIỀU 16. THÔNG BÁO

- 16.1 Thông báo đến Các Bên sẽ được gửi tới địa chỉ đăng ký của mỗi Bên như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này;
- 16.2 Trong suốt thời hạn thực hiện Hợp Đồng này, mỗi Bên phải thông báo kịp thời cho Bên kia bằng văn bản bất kỳ sự thay đổi về địa chỉ sau bất kỳ sự thay đổi về vấn đề này. Bên B có thể gửi các thông báo cho Bên A bằng email, fax.

ĐIỀU 17. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 17.1 Hợp Đồng này được diễn giải và điều chỉnh theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 17.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện hoặc liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này sẽ được các bên thương lượng hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết bằng thương lượng, hòa giải được, Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại (nơi Bên B có trụ sở) để giải quyết.
- 17.3 Trong suốt giai đoạn giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, Các Bên tạm ngừng thực hiện Hợp Đồng này cho đến khi có kết quả giải quyết của Tòa án.

ĐIỀU 18. TÍNH HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 18.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- 18.2. Tất cả các thoả thuận khác có liên quan có trước ngày ký Hợp Đồng này nếu trái với quy định của Hợp Đồng này cũng đương nhiên được huỷ bỏ kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực.
- 18.3. Hiệu lực riêng biệt: Nếu một điều khoản nào đó của Hợp Đồng này không hợp pháp hoặc vô hiệu thì điều khoản đó được tách riêng ra và các điều khoản còn lại của Hợp Đồng vẫn tiếp tục có hiệu lực. Điều khoản vô hiệu đó sẽ được Các Bên thương lượng để sửa đổi trên tinh thần hợp tác, thiện chí.

ĐIỀU 19. SỐ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG

- 19.1 Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ một (01) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.
- 19.2 Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN B